

CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân (UPCOM: FTM)

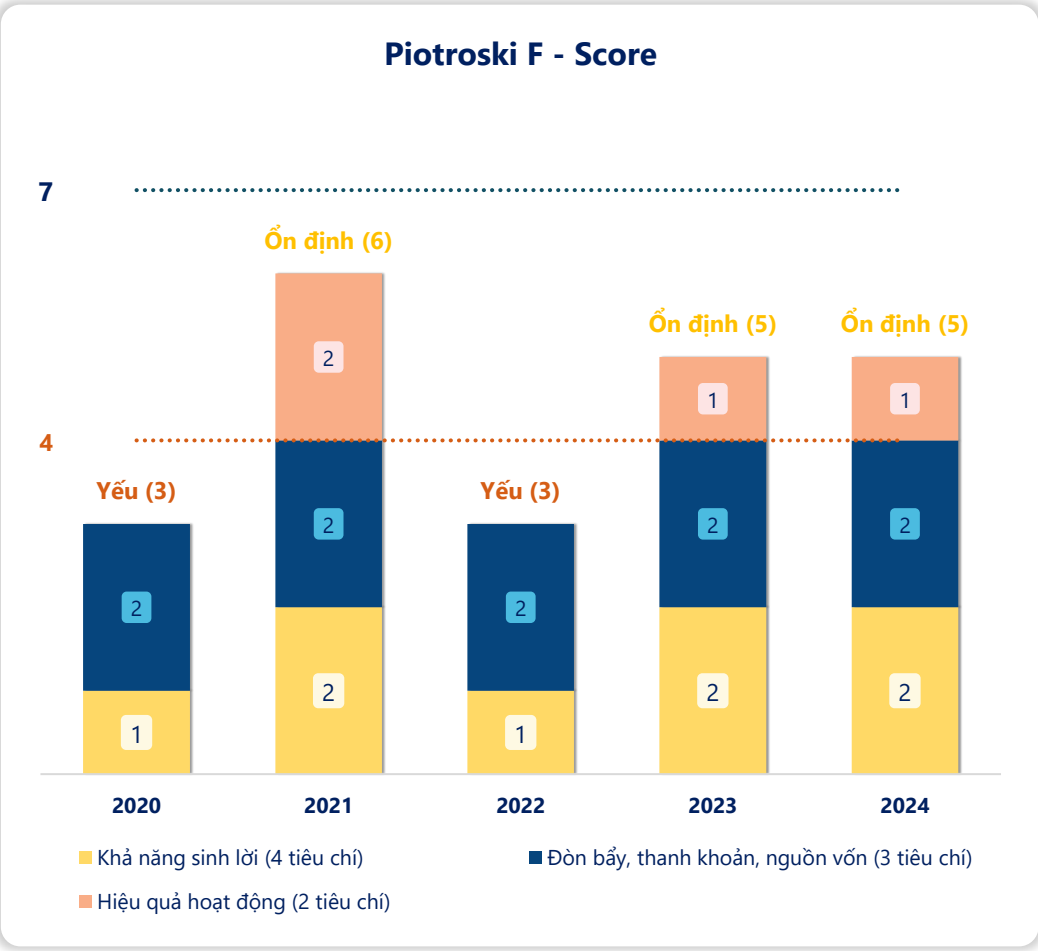
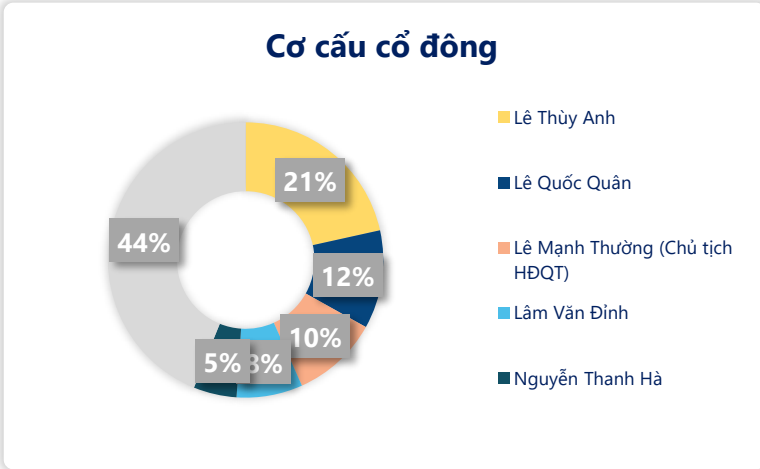
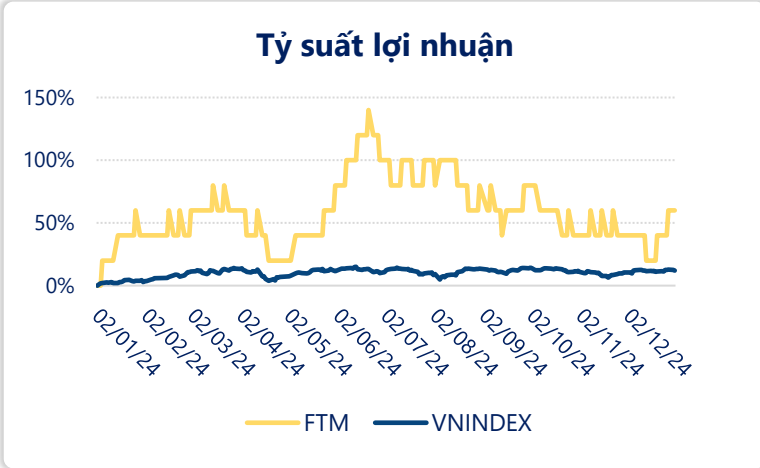
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	800 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.3%	0%	-11.1%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	5/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
183	YoY
tỷ VNĐ	▲ 8.00
	▲ 4.5%

LN sau thuế	2024
-127	YoY
tỷ VNĐ	▲ 195
	▲ 60.5%

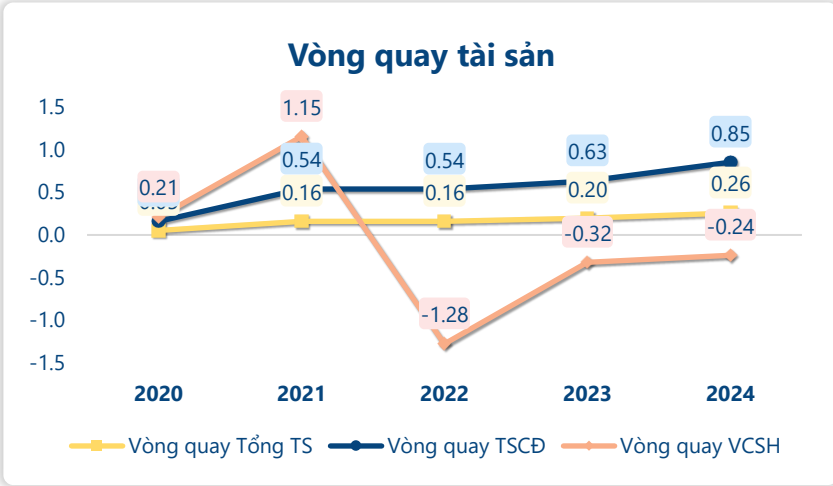
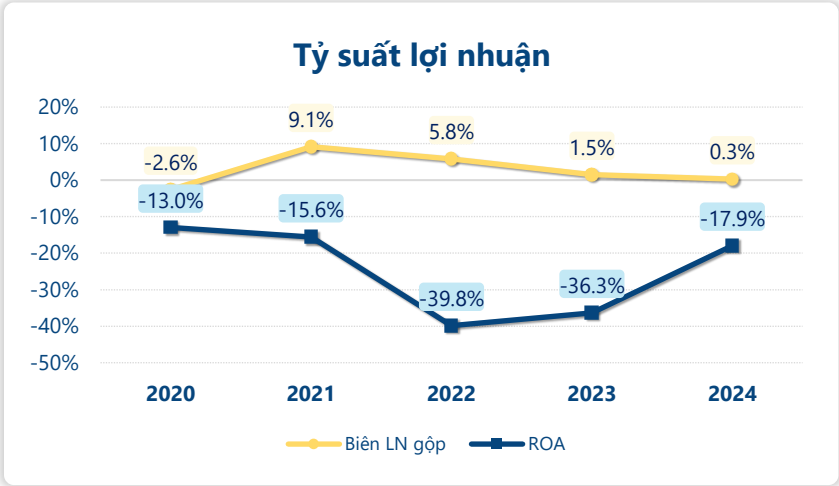
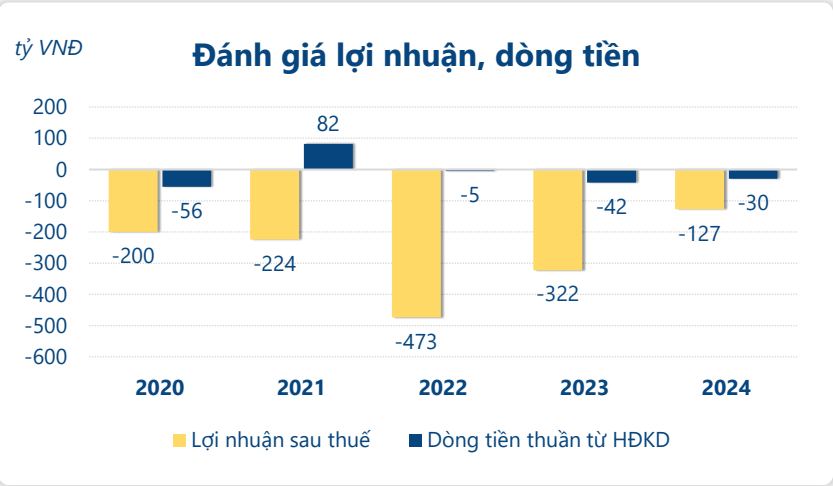


Năm **2024**, F-Score của **FTM** đạt **5/9** không đổi so với năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá thuộc vùng "**Ổn định**".

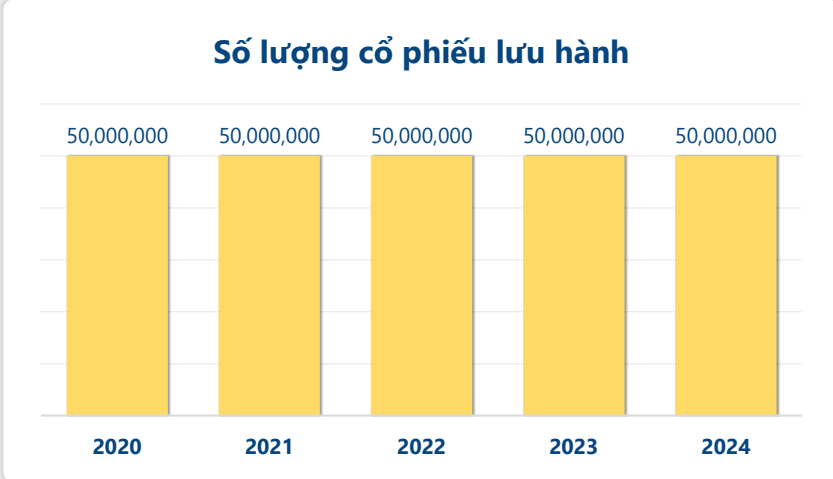
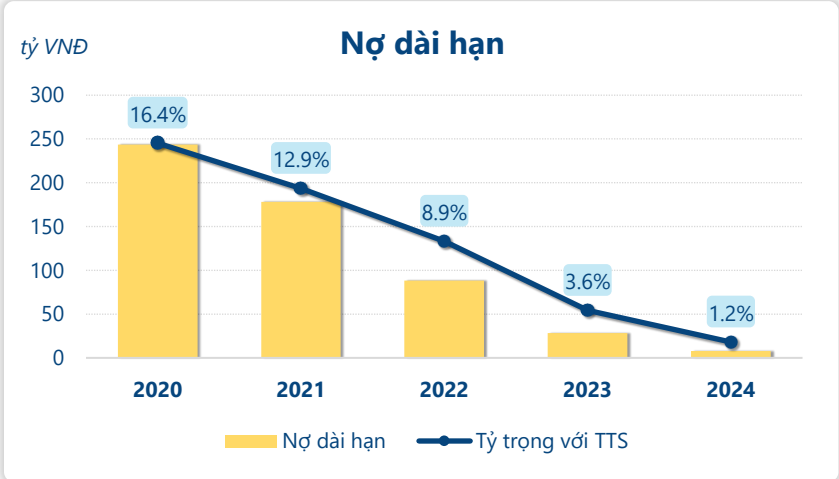
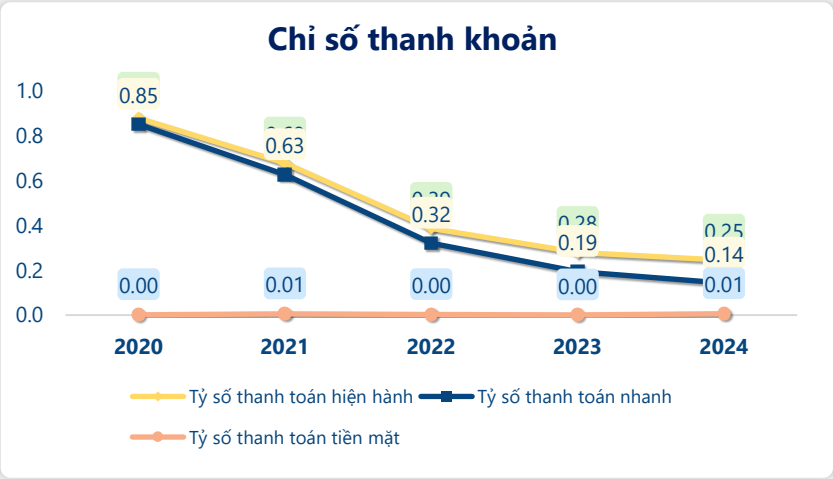
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân (UPCOM: FTM)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **FTM**: Dấu hiệu tiêu cực khi lợi nhuận sau thuế và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm, cho thấy công ty đang gặp vấn đề lớn khi không chỉ ghi nhận lỗ trên báo cáo thu nhập mà còn gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động cốt lõi. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	639	782	-18.3%
Tài sản ngắn hạn	359	408	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	8.73	1.09	703%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	198	278	-28.6%
Hàng tồn kho	150	124	20.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	4.02	-76.3%
Tài sản dài hạn	280	374	-25.1%
Phải thu dài hạn	24.2	68.1	-64.5%
Tài sản cố định	190	239	-20.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	64.0	64.0	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.26	2.99	-24.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,474	1,489	-1.0%
Nợ ngắn hạn	1,461	1,461	0.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	785	779	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	48.7	0.7%
Nợ dài hạn	12.2	28.2	-56.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.70	7.70	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-834	-707	-18.0%
Vốn chủ sở hữu	-834	-707	-18.0%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	81.3	232	189	175	183
Giá vốn hàng bán	83.4	210	178	172	182
Lợi nhuận gộp	-2.10	21.2	11.0	2.61	0.49
Doanh thu HĐTC	1.55	3.24	4.44	0.44	6.50
Chi phí TC	90.5	96.7	107	111	91.4
Chi phí lãi vay	90.3	95.1	97.6	103	76.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.96	2.97	2.06	1.63	1.80
Chi phí QLDN	15.7	16.2	289	139	88.1
LN thuần từ HĐKD	-109	-91.5	-382	-248	-174
Lợi nhuận khác	-91.2	-133	-90.6	-74.3	47.0
LN trước thuế	-200	-224	-473	-322	-127
Lợi nhuận sau thuế	-200	-224	-473	-322	-127
LNST của CĐ cty mẹ	-200	-224	-473	-322	-127

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.6	81.6	-5.32	-42.0	-30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.08	-58.6	6.81	43.3	44.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	35.7	-18.3	-4.56	-3.08	-6.25
Tiền đầu kỳ	12.4	1.54	5.93	2.85	1.09
Lưu chuyển tiền thuần	-10.8	4.72	-3.07	-1.79	7.65
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.34	0	0.03	0
Tiền cuối kỳ	1.54	5.93	2.85	1.09	8.73